

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 02/2019/DS-ST.

Ngày: 16/01/2019.

V/v: “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn An**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Thanh Bình.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2018/TLST- DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số 304, ấp Tân Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Ông **Lê Văn X**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: tổ 17, ấp Tân Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Do là chỗ đồng nghiệp với nhau nên vào ngày 10/12/2013 âm lịch bà Nguyễn Thị T có cho ông Lê Văn X vay số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, việc vay tiền các bên có làm biên nhận đề ngày 10/12/2013. Quá trình vay tiền ông X đã đóng được 08 tháng tiền lãi từ ngày 10/12/2013 đến ngày 10/8/2014 với số tiền là 8.000.000 đồng, sau đó không đóng nữa cho đến nay. Đến tháng 10 và 12/2015 ông X trả được số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Sau đó đến năm 2016 ông X tiếp tục vay thêm số tiền là 5.000.000 đồng, số tiền này không tính lãi. Qua hai lần vay trừ đi số tiền đã trả thì hiện tại ông X còn nợ của bà T số tiền gốc là 35.000.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu ông Lê Văn X phải trả cho bà số tiền vay gốc là 35.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 10/8/2014 đến ngày 22/7/2018 với lãi suất 1%/tháng, thành tiền là 16.600.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 51.600.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà T nhận thấy hoàn cảnh của ông X quá khó khăn và cũng là chỗ đồng nghiệp với nhau nên bà Nguyễn Thị T có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của mình. Cụ thể bà T chỉ yêu cầu ông X phải trả lại cho bà số tiền vay gốc còn nợ là 35.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình làm việc, tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn X trình bày như sau:

Ông Lê Văn X thừa nhận vào năm 2013 ông có vay tiền của bà Nguyễn Thị T là đúng. Số tiền vay tổng cộng trước sau (hai lần) là 55.000.000 đồng, lãi suất là 2%/tháng, riêng số tiền vay thêm 5.000.000 đồng vào năm 2016 thì không có lãi. Ông X đã trả được 20.000.000 đồng tiền gốc vào tháng 10 và 12/2015, còn tiền lãi thì ông X đã đóng được nhiều lần nhưng không có biên nhận hay chứng cứ gì chứng minh. Số tiền còn lại ông còn nợ bà T là 35.000.000 đồng là đúng.

Nay bà T yêu cầu ông Lê Văn X trả cho bà số nợ gốc là 35.000.000 đồng thì ông cũng đồng ý trả nhưng hiện nay hoàn cảnh rất khó khăn nên không có điều kiện để trả cho bà T một lần mà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ. Còn về số tiền lãi tại phiên tòa hôm nay bà T không yêu cầu thì ông X cũng đồng ý. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Lê Văn X. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Theo các bản khai và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay cho thấy trước đây vào năm 2013 âm lịch bà Nguyễn Thị T có cho ông Lê Văn X vay số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất là 2%/tháng, ông X đã đóng lãi được số tiền là 8.000.000 đồng, sau đó không đóng nữa. Đến tháng 10 và tháng 12/2015 thì ông X đã trả được số tiền gốc là 20.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng chưa trả. Đến năm 2015 ông X tiếp tục vay thêm của bà T số tiền là 5.000.000 đồng, số tiền này các bên không thỏa thuận tính lãi. Hiện tại số tiền gốc ông X còn nợ bà T là 35.000.000 đồng là đúng sự thật và các bên không có tranh chấp. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Lê Văn X phải trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 35.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại phiên tòa hôm nay ông Lê Văn X thừa nhận hiện còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 35.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên cho bà T nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên. Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC – VKSNDTC - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định “...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...”. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía bà T không đồng ý nên HĐXX miễn xét.

Đối với số tiền lãi là 16.600.000 đồng tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của mình, bà không yêu cầu ông X phải trả số tiền lãi đối với số tiền gốc 35.000.000 đồng nên HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi này.

Từ những nhận định nêu trên. Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc ông Lê Văn X phải trả cho bà T số tiền gốc là 35.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với tiền lãi là 16.600.000 đồng.

[3] Về án phí: Ông Lê Văn X phải chịu án dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật trên số tiền phải thanh toán cho bà T là 1.750.000 đồng (35.000.000 đồng x 5%).

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.290.000 đồng theo lai thu số 0006911 ngày 31/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471, Điều 473 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Lê Văn X phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay gốc còn nợ là 35.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi là 16.600.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

3. Về án phí DSST: Ông Lê Văn X phải chịu án dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.750.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.290.000 đồng theo lai thu số 0006911 ngày 31/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án, viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn An